

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14-12-2017
“V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vệ.

Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2017/TLST-HNGĐ, ngày 13/11/2017, “V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Tuyết X, sinh năm 1993. (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Số 130, đường X, Tổ 37, Khóm 4, Phường 4, thành phố L, tỉnh T.

Bị đơn: Trần Minh T, sinh năm 1996. (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Số 21, đường M, Tổ 11, Khóm 1, Phường 2, thành phố L, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Tuyết X trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết X và anh Trần Minh T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011, không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu, đời sống vợ chồng bình thường. Khi chị X có thai, tình cảm vợ chồng phai nhạt do anh T không có trách nhiệm, bỏ mặc chị X ở nhà một mình, không quan tâm, anh T thường xuyên đi chơi không lo cho tương lai. Chị X không khuyên anh T được, buồn bực và giận anh T nên chị X về nhà cha mẹ ruột sinh sống khi mới mang thai được khoảng năm tháng đến sáu tháng.

Thời gian xa nhau anh T không tìm chị X để hàn gắn, chị X cũng chán nản không muốn quay lại hàn gắn với anh T. Đến khi chị X sinh con, do hoàn cảnh

đơn chiếc nên mẹ chồng rứt chị X cùng con nhỏ về nuôi. Trong thời gian này, anh T vẫn thường xuyên đi chơi, ít trò chuyện với nhau nên hôn nhân không thể tái hợp. Chị X ở bên chồng nuôi con nhỏ hơn một tháng thì từ tháng 5/2012 chị X về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay gần năm năm, cả hai không còn tình cảm.

Nay chị Nguyễn Thị Tuyết X yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh T.

Con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết X và anh Trần Minh T có 01 con chung tên Nguyễn Trần M, sinh ngày 22/3/2012. Hiện nay, con chung đang sống chung với anh T.

Khi ly hôn, chị X đồng ý anh T được tiếp tục nuôi con chung vì con chung sống chung với anh T từ năm 2012 đến nay, chị X không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Trần Minh T trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị Tuyết X sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011, không đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung vợ chồng có mâu thuẫn. Vợ chồng xa nhau từ tháng 5/2012 cho đến nay.

Nay, anh T đồng ý ly hôn với chị X.

Con chung: Anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị Tuyết X có 01 con chung tên Nguyễn Trần M, sinh ngày 22/3/2012. Hiện nay, con chung đang sống chung với anh T.

Khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung vì con chung sống chung với anh T từ nhỏ đến nay, anh T không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết X và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn Trần Minh T có địa chỉ tại Phường 2, thành phố L, tỉnh T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Tuyết X và anh Trần Minh T được xác lập vào năm 2011, do anh chị tự nguyện và thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1

Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn của anh chị để cho hay không cho ly hôn mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Nguyễn Thị Tuyết X và anh Trần Minh T để làm cơ sở chấm dứt quan hệ chung sống như vợ chồng của anh chị.

[3] Xét con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết X và anh Trần Minh T có 01 con chung tên Nguyễn Trần M, sinh ngày 22/3/2012. Hiện nay con chung đang sống chung với anh T. Anh T yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Trần M, sinh ngày 22/3/2012. Xét thấy từ nhỏ đến nay, cháu M đang sống chung với anh T ổn định, đồng thời chị X đồng ý anh T được tiếp tục nuôi cháu M. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận, chấp nhận yêu cầu của anh T, tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Trần M, sinh ngày 22/3/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 15 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung; chị X không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Xét tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh T thống nhất không có tài sản chung, không có nợ ai và không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trần Minh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Tuyết X và anh Trần Minh T.

Con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Minh T. Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Trần M, sinh ngày 22/3/2012 cho anh T trực tiếp nuôi, hiện

con chung đang sống chung với anh T.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 00423 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị Nguyễn Thị Tuyết X đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Trần Minh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Liên